|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT ………………. | **Chữ kí GT1:** ........................... |
| **TRƯỜNG THPT**………………. | **Chữ kí GT2:** ........................... |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**SINH HỌC 11 – KẾT NỐI TRI THỨC**

**NĂM HỌC: 2023 - 2024**

**Thời gian làm bài: 45 phút *(****Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** …………………………………… **Lớp**:………………..  **Số báo danh:** …………………………….……**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (7 điểm)

*Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:*

**Câu 1: (NB)** Quá trình chuyển hóa năng lượng trong sinh giới gồm các giai đoạn nào?

1. Tổng hợp, quang hợp và huy động năng lượng.
2. Phóng xạ, tổng hợp và huy động năng lương.
3. Tổng hợp, phân giải và huy động năng lượng.
4. Phân giải, quang hợp và huy động năng lượng.

**Câu 2: (NB)** Dựa vào kiểu trao đổi chất, người ta chia sinh vật thành 2 nhóm. Đó là

A. nhóm sinh vật tự dưỡng và nhóm sinh vật hoại dưỡng.

B. nhóm sinh vật tự dưỡng và nhóm sinh vật dị dưỡng.

C. nhóm sinh vật dị dưỡng và nhóm sinh vật hoại dưỡng.

D. nhóm sinh vật dị dưỡng và nhóm sinh vật hóa dưỡng.

**Câu** **3: (NB)** Trong các sinh vật sau, sinh vật nào có khả năng tự dưỡng?

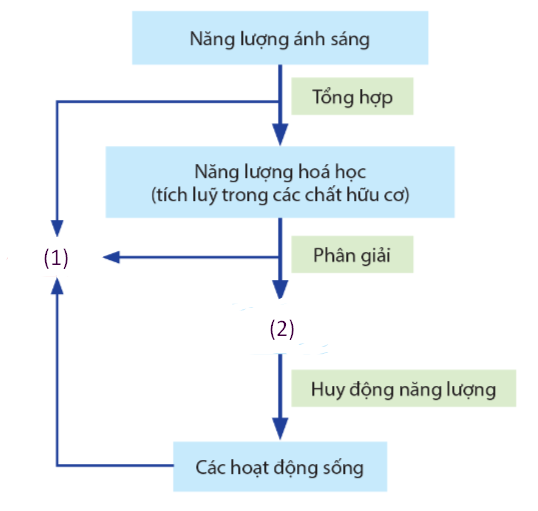
A. Chim.

B. Mèo.

C. Con người.

D. Trùng roi xanh.

**Câu 4 (TH):** Hãy hoàn thành chú thích (1), (2) trong sơ đồ các giai đoạn chuyển hóa sau đây



1. (1) ATP, (2) Nhiệt
2. (1) Nhiệt, (2) ATP
3. (1) Ánh sáng, (2) hợp chất vô cơ.
4. (1) Nhiệt, (2) ánh sáng.

**Câu 5 (TH):** Trong tế bào và cơ thể sinh vật, năng lượng chủ yếu được tích trữ

A. trong các liên kết hóa học.

B. trong các mô mỡ và máu.

C. trong các phản ứng.

D. trong các bào quan của tế bào.

**Câu 6 (TH): “**Trao đổi chất và chuyển hoá..... là đặc điểm cơ bản của sự sống, quá trình này có hai vai trò cơ bản là...... cơ thể.”

Từ còn thiếu trong dấu … là

A. năng lượng/ cung cấp năng lượng và kiến tạo

B. tổng hợp/ phân giải.

C. năng lượng/ phân giải.

D. tổng hợp/ cung cấp năng lượng và kiến tạo.

**Câu 7 (NB):** Nước và chất khoáng hòa tan trong đất được hấp thụ vào rễ rồi tiếp tục được vận chuyển theo

A. mạch khoáng.

B. mạch leo.

C. mạch gỗ.

D. mạch rây.

**Câu 8 (NB):** Hướng vận chuyển chủ yếu của mạch rây là

A. đi lên.

B. đi xuống.

C. ngẫu nhiên.

D. không xác định được.

**Câu 9 (TH):** Có bao nhiêu hiện tượng sau đây chứng tỏ rễ cây hút nước chủ động?

1. Hiện tượng rỉ nhựa.

2. Hiện tượng ứ giọt.

3. Hiện tượng thoát hơi nước.

4. Hiện tượng đóng mở khí khổng.

A. 2.

B. 3.

C. 1.

D. 4.

**Câu 10 (TH):** Nối cột A và cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Cường độ ánh sáng tăng. | a. Quá trình hút nước và muối khoáng tăng. |
| 2. Cường độ ánh sáng giảm. | b. Quá trình hút nước và muối khoáng giảm. |
| 3. Nhiệt độ tăng. |  |
| 4. Đất tơi xốp, thoáng khí. |  |
| 5. Độ ẩm cao. |  |
| 6. Nhiệt độ giảm. |  |

A. a- 2, 5, 6; b- 1, 3, 4.

B. a- 1, 3, 4, 5; b- 2, 6.

C. a- 2, 3, 4, 5; b- 1, 6.

D. a- 1, 3, 5; b- 2, 4, 6.

**Câu 11 (NB):** Nguyên liệu của quá trình quang hợp gồm

A. khí oxygen và glucose.

B. glucose và nước.

C. khí carbon dioxide, nước và năng lượng ánh sáng.

D. khí carbon dioxide và nước.

**Câu 12 (NB):** Pha sáng của quang hợp là

A. pha chuyển hóa năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng của các liên kết hóa học trong NADP.

B. pha chuyển hóa năng lượng của ánh sáng đã được caroten hấp thụ chuyển thành năng lượng của các liên kết hóa học trong ATP và NADPH.

C. pha chuyển hóa năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng của các liên kết hóa học trong ATP và NADPH.

D. pha chuyển hóa năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng của các liên kết hóa học trong ATP.

**Câu 13 (NB):** Yếu tố ngoại cảnh nào **không** tác động đến quang hợp ở thực vật?

1. Ánh sáng.
2. Khí CO2.
3. Nhiệt độ.
4. Khí O2.

**Câu 14 (NB):** Phương trình quang hợp ở thực vật là

A. 6CO2 + 12H2O C6H12O6 + 6H2O.

B. C6H12O6 + 6H2O 6CO2 + 12H2O.

C. 6CO2 + 12H2O C6H12O6 + 6H2O.

D. C6H12O6 + 6H2O 6CO2 + 12H2O.

**Câu 15 (TH**): Diễn biến nào dưới đây **không** có trong pha sáng của quá trình quang hợp?

A. Quá trình tạo ATP, NADPH và giải phóng O2.

B. Quá trình khử CO2.

C. Quá trình quang phân li nước.

D. Sự biến đổi trạng thái của diệp lục (từ dạng bình thường sang trạng thái kích thước).

C**âu 16 (TH):** Thực vật C4 ưu việt hơn thực vật C3 ở những điểm nào?

A. Cường độ quan hợp cao hơn, điểm bão hòa ánh sáng thấp hơn, điểm bù CO2 thấp hơn.

B. Cường độ quan hợp cao hơn, điểm bão hòa ánh sáng cao hơn, điểm bù CO2 thấp hơn.

C. Nhu cầu nước thấp hơn, thoát hơi nước thấp hơn.

D. Cả B và C.

**Câu 17 (NB):** Giai đoạn đường phân diễn ra tại

A. ti thể.

B. tế bào chất.

C. lục lạp.

D. nhân.

**Câu 18 (NB):** Hô hấp sáng xảy ra ở thực vật

A. C4.

B. CAM.

C. C3.

D. C4 và thực vật CAM.

**Câu 19 (NB):** Bào quan thực hiện quá trình hô hấp hiếu khí là

A. không bào.

B. ti thể.

C. trung thể.

D. lạp thể.

**Câu 20 (TH):** Trong quá trình bảo quản nông sản, hô hấp gây ra tác hại nào sau đây?

A. Làm giảm nhiệt độ.

B. Làm tăng khí O2.

C. Tiêu hao chất hữu cơ.

D. Làm giảm độ ẩm.

**Câu 21 (TH):** Khi nói về quan hệ giữa hô hấp và quá trình trao đổi chất khoáng trong cây, phát biểu nào sau đây là sai?

A. Hô hấp tạo ra ATP để cung cấp năng lượng cho tất cả các quá trình hút khoáng.

B. Hô hấp tạo ra các sản phẩm trung gian để làm nguyên liệu đồng hóa các nguyên tố khoáng.

C. Hô hấp tạo ra các chất khử như FADH2, NADH để cung cấp cho quá trình đồng hóa các nguyên tố khoáng.

D. Quá trình hút khoáng sẽ cung cấp các nguyên tố thành các yếu tố tham gia quá trình hô hấp.

**Câu 22 (TH):** Nhận định nào sau đây là đúng nhất?

A. Hàm lượng nước tỉ lệ nghịch với cường độ hô hấp.

B. Hô hấp không tạo ra năng lượng cho thực vật.

C. Nồng độ CO2 cao sẽ ức chế hô hấp.

D. Hô hấp có vai trò miễn dịch cho cây.

**Câu 23 (NB):** Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hóa thì

A. thức ăn được tiêu hóa ngoại bào.

B. thức ăn được tiêu hóa nội bào.

C. thức ăn được tiêu hóa ngoại bào và tiêu hóa nội bào.

D. một số thức ăn tiêu hóa nội bào, còn lại tiêu hóa ngoại bào.

**Câu 24 (NB):** Trong ống tiêu hóa của người, các cơ quan tiêu hóa được sắp theo thứ tự

A. Miệng → ruột non→ dạ dày→ hầu → ruột già→ hậu môn.

B. Miệng →thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già→ hậu môn.

C. Miệng → ruột non→ thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn.

D. Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.

**Câu 25 (NB):** Ở động vật có ống tiêu hóa, thức ăn đi qua ống tiêu hóa được

A. biến đổi cơ học, trở thành những chất dinh dưỡng đơn giản và được hấp thụ vào máu.

B. biến đổi cơ học và hóa học trở thành những chất dinh dưỡng đơn giản và được hấp thụ vào máu.

C. biến đổi hóa học, trở thành những chất dinh dưỡng đơn giản và được hấp thụ vào máu.

D. biến đổi cơ học, trở thành những chất dinh dưỡng đơn giản và được hấp thụ vào mọi tế bào.

**Câu 26 (NB):** Quá trình dinh dưỡng gồm

A. lấy thức ăn, tiêu hóa, hấp thụ và đồng hóa các chất.

B. lấy thức ăn, hô hấp, hấp thụ và đồng hóa các chất.

C. lấy thức ăn, tiêu hóa, hấp thụ và bài tiết.

D. lấy thức ăn, hô hấp, hấp thụ và bài tiết.

**Câu 27 (TH):** Đâu **không** phải đặc điểm nào của ruột non giúp chúng tăng hiệu quả hấp thụ chất dinh dưỡng?

A. Kích thước rất dài.

B. Hệ thống mao mạch máu và mao mạch bạch huyết dày đặc, phân bố tới từng lông ruột.

C. Tiết ra nhiều dịch vị giúp tiêu hóa thức ăn.

D. Lớp niêm mạc gấp nếp, trên đó là các mào với lông ruột dày đặc giúp làm tăng diện tích bề mặt ruột non lên.

**Câu 28 (TH):** Về mặt sinh học, câu thành ngữ “nhai kĩ no lâu” có ý nghĩa gì?

A. Nhai kĩ thì ăn được nhiều hơn.

B. Nhai kĩ làm thức ăn biến đổi thành những phân tử rất nhỏ, tạo điều kiện cho các enzim phân giải hết thức ăn, do đó có nhiều chất nuôi cơ thể hơn.

C. Nhai kĩ thời gian tiết nước bọt lâu hơn.

D. Nhai kĩ tạo cho ta cảm giác ăn nhiều nên no lâu

**PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1**: **(VD)** Hãy nêu các biện pháp bảo quản nông sản mà em biết. Giải thích cơ sở khoa học của việc rau trong siêu thị được bảo quản trong túi nylon đục lỗ và để trong tủ mát.

**Câu 2: (VDC)** Vì sao nói thoát hơi nước là tai họa tất yếu của cây?

**BÀI LÀM**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
|  |

✄

**BÀI LÀM:**

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**TRƯỜNG THPT** ........

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2023 – 2024)**

**MÔN: SINH HỌC 11 – KẾT NÔI TRI THỨC**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)**

*Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **C** | **2. B** | **3. D** | 1. **B** | 1. **A** | 1. **A** | 1. **C** |
| **8. B** | **9. A** | **10. A** | **11. D** | **12. C** | **13. D** | **14. A** |
| **15. D** | **16. D** | **17. B** | **18. C** | **19. B** | **20. C** | **21. A** |
| **22.C** | **23. B** | **24. B** | **25. B** | **26. A** | **27. C** | **28. B** |

**B. PHẦN TỰ LUẬN**: **(3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1** | - Các biện pháp bảo quản nông sản là:  + Bảo quản khô.  + Bảo quản với nhiệt độ thấp.  + Bảo quản bằng hút chân không.  + Bảo quản bằng muối chua, lên men…  -  Việc sử dụng túi nylon đục lỗ và để rau trong tủ mát là các biện pháp khoa học giúp kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm, giảm thiểu quá trình hô hấp, giúp cho rau giữ được độ tươi lâu hơn và ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn gây hại. | ***1đ***  ***1đ*** |
| **Câu 2** | - ″Tai họa″ tức là trong suốt quá trình sinh trưởng và phát triển của mình, thực vật phải mất đi một lượng nước lớn → nó phải hấp thụ một lượng nước lớn hơn lượng nước mất đi. Đó là điều không dễ dàng gì trong điều kiện môi trường luôn thay đổi.  - ″ Tất yếu″ là muốn nói thực vật cần phải thoát một lượng nước lớn như thế,vì có thoát nước mới lấy được nước. Sự thoát hơi nước đã tạo ra một sức hút nước, tạo sự chênh lệch về thế nước theo chiều giảm dần từ rễ lên lá, nước có thể dễ dàng di chuyển từ rễ lên lá. Đồng thời, thoát hơi nước giúp bề mặt lá được điều hòa. Mặt khác, thoát hơi nước thì khí khổng mở dòng CO2 sẽ đi từ ngoài vào lá, cung cấp nguyên liệu cho quang hợp. | ***0,5đ***  ***0,5đ*** |

**TRƯỜNG THPT** .........

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2023 – 2024)**

**MÔN: SINH HỌC 11 – KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1. Khái quát trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật.** | **3** |  | **3** |  |  |  |  |  | **6** |  | **1,5** |
| **2. Trao đổi nước và khoáng ở thực vật.** | **2** |  | **2** |  |  |  |  | **1** | **4** | **1** | **2** |
| **3. Quang hợp và hô hấp ở thực vật** | **7** |  | **5** |  |  | **1** |  |  | **12** | **1** | **5** |
| **4. Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật.** | **4** |  | **2** |  |  |  |  |  | **6** |  | **1,5** |
| **Tổng số câu TN/TL** | **16** | **0** | **12** | **0** | **0** | **1** | **0** | **1** | **28** | **2** | **10** |
| **Điểm số** | **4** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** | **1** | **7** | **3** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4 điểm**  **40%** | | **3 điểm**  **30%** | | **2 điểm**  **20%** | | **1 điểm**  **10%** | | **10 điểm**  **10 %** | | **10 điểm** |

**TRƯỜNG THPT** .........

**BẢN ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2023 – 2024)**

**MÔN: SINH HỌC 11 – KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/**  **Số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| **TL**  **(số ý)** | **TN**  **(số câu)** | **TL**  **(số ý)** | **TN**  **(số câu)** |
| **Khái quát trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật.** | | |  |  |  |  |
| **1. Khái quát trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật.** | **Nhận biết** | - Nêu được các dấu hiệu của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.  - Nêu được 3 giai đoạn chuyển hóa năng lượng (tổng hợp, phân giải và huy động năng lượng).  - Nêu được các phương thức trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở cấp tế bào và cơ thể.  - Nêu được khái niệm tự dưỡng và dị dưỡng. Lấy ví dụ. |  | **3** |  | **C1, 2, 3** |
| **Thông hiểu** | - Phân tích được vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng đối với sinh vật.  - Trình bày được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở cấp tê bào và cơ thể.  - Phân tích được vai trò của sinh vật tự dưỡng trong sinh giới. |  | 3 |  | **C4, 5, 6** |
| **Trao đổi nước và khoáng ở thực vật** | | |  |  |  |  |
| **2. Trao đổi nước và khoáng ở thực vật** | **Nhận biết** | - Trình bày được vai trò của nước đối với thực vật và mô tả được bao giai đoạn của quá trình trao đổi nước trong cây gồm: hấp thụ nước ở rễ, vận chuyển nước ở thân và thoát hơi nước ở lá.  - Nêu được sự vận chuyển các chất trong cây theo 2 dòng mạch gỗ và mạch rây.  - Nêu được vai trò của sự vận chuyển các chất hữu cơ trong mạch rây.  - Nêu được khái niệm dinh dưỡng ở thự vật và vai trò sinh lí của một số nguyên tố khoáng đa lượng và vi lượng đối với thực vật. Quan sát và nhận biết được một số biểu hiện của cây do thiếu khoáng.  - Nêu nguồn cung cấp nitrogen cho cây. Trình bày được quá trình hấp thụ cà biến đổi nitrate và ammonium ở thực vật. |  | **2** |  | **C7, 8** |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được cơ chế hấp thụ nước và khoán ở tế bào lông hút của rễ.  - Trình bày được vai trò của quá trình thoát hơi nước và nêu được cơ chế đóng mở khí khổng.  - Nêu đuợc các hiên tượng chứng minh cây hút nước chu động.  - Phân tích được một số nhân tố ảnh hưởng đến quá trình trao đổi nước và quá trình dinh dưỡng khoáng ở thực vật. |  | **2** |  | **C9, 10** |
| **Vận dụng** | - Phân tích được một số nhân tố ảnh hưởng đến quá trình trao đổi nước và quá trình dinh dưỡng khoáng ở thực vật.  - Giải thích được sự cân bằng nước và tưới tiêu hợp lí, phân tích được vai trò của phân bón đối với năng suất cây trồng. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng kiến thức về thoát hơi nước, giải thích “ Vì sao nói thoát hơi nước là tai họa tất yếu của cây” | **1** |  | **C2** |  |
| **Quang hợp và hô hấp ở thực vật** | | |  |  |  |  |
| **3. Quang hợp ở thực vật** | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm quang hợp ở thực vật. Viết được phương trình quang hợp.  - Nêu được nguyên liệu của quá trình quang hợp.  - Nêu được vai trò quang hợp ở thực vật.  - Nêu các sản phẩm của quá trình biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học (ATP và NADPH)  - Nêu được các con đường đồng hóa carbon trong quang hợp.  - Nêu được ảnh hưởng của các điều kiện bên ngoài đến quan hợp. |  | **4** |  | **C11, 12, 13, 14** |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được vai trò của sắc tố trong việc hấp thu ánh sáng.  - Trình bày được các diễn biến trong pha sáng và pha tối của quá trình quang hợp.  - Chứng minh được sự thích nghi của thực vật C4 và CAM trong điều kiện môi trường bất lợi.  - Trình bày được vai trò của sản phẩm quang hợp trong tổng hợp chất hữu cơ đối với cây và đối với sinh giới. |  | **2** |  | **C15, 16** |
|  | **Vận dụng** | - Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và năng suất cây trồng.  - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được một số biện pháp kĩ thuật và công nghệ nâng cao năng suất cây trồng. |  |  |  |  |
| **4. Hô hấp ở thực vật** | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm hô hấp và các bào quan thực hiện quá trình hô hấp ở thực vật.  - Phân tích được vai trò của hô hấp ở thực vật.  - Nêu được nơi diễn ra quá trình đường phân.  - Nêu được quá trình hô hấp sáng xảy ra ở thực vật C3. |  | **2** |  | **C17, 18, 19** |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được sơ đồ các giai đoạn của hô hấp ở thực vật.  - Giải thích được tác hại của hô hấp trong bảo quản nông sản.  - Trình bày được mối quan hệ giữa hô hấp và quá trình trao đổi khoáng trong cây |  | **3** |  | **C20, 21, 22** |
| **Vận dụng** | - Phân tích được ảnh hưởng của các điểu kiện về môi trường ảnh hưởng đến hô hấp ở thực vật. Vận dụng được những hiểu biết về hô hấp để giải thích các vấn đề thực tiễn.  - Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp. | **1** |  | **C1** |  |
|  | | |  |  |  |  |
| **5. Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật** | **Nhận biết** | - Nêu được quá trình dinh dưỡng gồm: lấy thức ăn, tiêu hóa, hấp thụ và đồng hóa chất dinh dưỡng.  - Trình bày được các hình thức tiêu hóa ở động vật.  - Nêu được các cơ quan trong ống tiêu hóa của cơ thể người. |  | **4** |  | **C23, 24, 25, 26** |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được vai trò của việc sử dụng thực phẩm sạch trong đời sống con người.  - Đặc điểm của các cơ quan tiêu hóa phù hợp với chức năng của nó.  - Giải thích được câu thành ngữ “nhai kĩ no lâu”. |  | **2** |  | **C27, 28** |
| **Vận dụng** | - Xây dựng được chế độ ăn uống và các biện pháp dinh dưỡng phù hợp ở mỗi lứa tuổi và trạng thái cơ thể.  - Tìm hiểu được các bệnh tiêu hóa ở người và các bệnh học đường liên quan đến dinh dưỡng và cách phòng tránh,  - Vận dụng hiểu biết về hệ tiêu hóa để phòng các bệnh về tiêu hóa. |  |  |  |  |